

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ HỖ TRỢ GIÁO DỤC HAPPY KIDS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ HỖ TRỢ GIÁO DỤC HAPPY KIDS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAPPY KIDS EDUCATION CONSULTING AND SUPPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110387575

3. Ngày thành lập: 14/06/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 49, Đường ĐX6, Khu đô thị Đặng Xá, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962 350 554

Fax:

Email: gdnhappykids@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá hàng hoá)	4610
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh - Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi (loại trừ những loại Nhà nước cấm)	4649
3.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy phát điện	4659
5.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
6.	Dịch vụ đóng gói	8292
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
8.	Giáo dục nhà trẻ	8511
9.	Giáo dục mẫu giáo	8512
10.	Giáo dục tiểu học	8521

11.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
12.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
13.	Đào tạo sơ cấp	8531
14.	Đào tạo trung cấp	8532
15.	Đào tạo cao đẳng	8533
16.	Đào tạo đại học	8541
17.	Đào tạo thạc sỹ	8542
18.	Đào tạo tiến sỹ	8543
19.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
20.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
21.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Dạy bay; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
22.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục, - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, - Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, - Dịch vụ kiểm tra giáo dục, - Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên. - Tư vấn du học	8560(Chính)
23.	Bán buôn tổng hợp (Loại trừ những loại Nhà nước cấm)	4690
24.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
25.	Sản xuất sắt, thép, gang (Trừ những loại Nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	2410

26.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Loại trừ hoạt động sản xuất vàng miếng và các loại nhà nước cấm)	2420
27.	Đúc sắt, thép (Trừ những loại Nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	2431
28.	Đúc kim loại màu (Loại trừ hoạt động sản xuất vàng miếng và các loại nhà nước cấm)	2432
29.	Sản xuất các cấu kiện kim loại (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	2511
30.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (Loại trừ sản xuất chai LPG)	2512
31.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm) (Loại trừ: Sản xuất lò phản ứng nguyên tử, trừ tách chất đồng vị)	2513
32.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
33.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
34.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
35.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Loại trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
36.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
37.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
38.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4791
39.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
40.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
41.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
42.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ	5224
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn.	5229
45.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
46.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
47.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ làm con dấu)	3290
48.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
49.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
50.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
51.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ những loại Nhà nước cấm)	4761
52.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ những loại Nhà nước cấm)	4762
53.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
54.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ những loại Nhà nước cấm)	4764
55.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN ANH TUẤN	Việt Nam	Số 20/36 phố Ái Mộ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.000.000.000	66,660	001067010919	
2	NGUYỄN THỊ NGỌC HUỆ	Việt Nam	Số 1 ngách 112/43 phố Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000	16,670	027179000058	
3	LÊU THỊ THU HÀ	Việt Nam	Tổ 8, Cụm 1, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000	16,670	001179022904	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên

Sinh ngày: 26/11/1967

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001067010919

Ngày cấp: 10/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 20/36 phố Ái Mộ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 20/36 phố Ái Mộ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội